

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỐT NỐT  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2022

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Khúc Thị Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Trần Thúy Kiên

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Hà

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Hoài Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Tuyết T**, sinh năm 1985 (*có mặt*)

ĐKTT: khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

*Bị đơn:* Anh **Phan Thành Dự**, sinh năm 1985 (*vắng mặt lần 2 không lý do*)

ĐKTT: ấp C, xã D, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: khu vực E, phường F, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết T trình bày và yêu cầu như sau:*

Hôn nhân giữa chị và anh D đến với nhau do tự quen biết, thời gian tìm hiểu khoảng 3 tháng thấy hợp nhau nên được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán (không nhớ thời gian), không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống anh D không quan tâm chăm lo gia đình mà thường xuyên đi nhậu, về nhà thì cáu gắt với chị có lúc đánh chị. Nhiều lần khuyên nhưng anh D không thay đổi, thời gian chịu đựng quá lâu nhận thấy không thể chung sống nhau nữa nên đầu tháng 12/2021 chị và anh Dự sống ly thân nhau.

Nhận thấy không còn tình cảm với anh D nữa, đã nhiều lần tha thứ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, nên yêu cầu được ly hôn với anh Dự.

Về con chung: chị và anh Dự chỉ có 02 con chung là cháu Nguyễn Phan Thành Đ,

sinh ngày 22/4/2016, cháu Nguyễn Phan Phúc T, sinh ngày 13/11/2019. Thời gian ly thân chỉ dẫn hai con chung về nhà mẹ ruột ở khu vực A cho đến nay. Khi ly hôn chỉ yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phan Thành D mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh D.

Để giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D, tại biên bản xác minh ngày 14/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, địa phương cho biết chị T và anh D chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Phan Thành Đ và cháu Nguyễn Phan Phúc T. Anh, chị chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không rõ. Về tài sản chung, nợ địa phương không rõ. Anh D không có đăng ký thường trú tại khu vực E, phường F, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ nhưng hiện có đăng ký tạm trú và có mặt tại địa phương.

*Phần các đương sự trình bày tại phiên tòa:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh Phan Thành D. Về con chung: có 02 con chung Nguyễn Phan Thành Đ, sinh ngày 22/4/2016, cháu Nguyễn Phan Phúc T, sinh ngày 13/11/2019 yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng, nợ: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: không công nhận chị Nguyễn Thị Tuyết T và anh Phan Thành D là vợ chồng; Về con: giao cháu Nguyễn Phan Thành Đ, sinh ngày 22/4/2016, cháu Nguyễn Phan Phúc T, sinh ngày 13/11/2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, riêng và nợ không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng: theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đây là vụ án về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phan Thành D có nơi cư trú tại: khu vực E, phường F, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Phan Thành D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh D tự nguyện chung sống với nhau và cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Do phát sinh mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay, trong thời gian ly thân mạnh ai nấy sống, không còn

quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, chị T yêu cầu được ly hôn với anh D.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh D nhiều lần để tham gia tố tụng và trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị T, nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T. Từ đó, có thể thấy rằng anh D bỏ mặc quan hệ hôn nhân. Tòa án cũng tiến hành xác minh ở địa phương kết quả cho thấy anh chị có mâu thuẫn, đã sống ly thân với nhau. Xét yêu cầu khởi kiện của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình 2014 cần tuyên bố quan hệ chung sống giữa chị T và anh D pháp luật không công nhận là vợ chồng.

[3] Về con: theo chị T và kết quả xác minh của Tòa án chị T và anh D có 02 con chung cháu Nguyễn Phan Thành Đ, sinh ngày 22/4/2016, cháu Nguyễn Phan Phúc T, sinh ngày 13/11/2019. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung đến khi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi chị T và anh D ly thân hai cháu do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, cần giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, riêng và nợ: đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải nộp theo quy định.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 4, 5, 6, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, 227, 228, Điều 235; Điều 262, 264, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 14, Điều 51, 53, 56, 57, 59, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

*Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận chị Nguyễn Thị Tuyết T và anh Phan Thành D là vợ chồng.

*Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Phan Thành Đ, sinh ngày 22/4/2016, cháu Nguyễn Phan Phúc T, sinh ngày 13/11/2019 cho chị Trang tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên, anh Phan Thành D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Phan Thành D không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*Về tài sản chung, riêng và nợ:* không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

*Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị Tuyết T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm nộp án phí theo biên lai số 0004225 ngày 23/2/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, chị Trang không phải nộp thêm án phí.

*Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi cư trú.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKS quận Thốt Nốt;
- Chi THA dân sự quận Thốt Nốt;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã Ký)*

**Khúc Thị Hồng**